TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2026/HC-PT
Ngày: 16/3/2026
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Hà Văn H, Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 377/2025/TLPT-HC ngày 26/11/2025, về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2025/HC-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 246/2026/QĐXX-PT ngày 05/02/2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Bà Lê Thị Minh T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

2. Ông Huỳnh Vĩnh H1, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 10/1/8/1, Tổ D, ấp X, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Minh T và ông Huỳnh Vĩnh H1: Bà Vũ Thị Kim T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Đường D, khu tái định cư L, Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Nai (Văn bản uỷ quyền ngày 16/01/2024 tại Văn phòng C1, tỉnh Đồng Nai, có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai;

2. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Đồng Nai (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Viết T2, Chức vụ: Phó chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 566/UBND-NC ngày 29/01/2026, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Lang Hoài C, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Kinh tế xã L (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Minh T, ông Huỳnh Vĩnh H1 là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Huỳnh Vĩnh H1, bà Lê Thị Minh T cùng người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Ông Huỳnh Vĩnh H1 và bà Lê Thị Minh T là vợ chồng, là đồng sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 74, tờ bản đồ số 62, xã L được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 083951 ngày 25/3/2015 (viết tắt là Giấy chứng nhận số BV 083951) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Nguồn gốc nhà đất nói trên do cha mẹ bà T để lại và căn nhà cấp 4 đã được xây dựng từ năm 1995. Nhà đất của ông bà bị thu hồi để thực hiện dự án 02 Tuyến giao thông kết nối (Tuyến số 02) thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L giai đoạn 1 tại xã L, huyện L (viết tắt là Dự án).

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy các Quyết định hành chính sau: Quyết định thu hồi đất số 6746/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND huyện L về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà T - ông H1, Quyết định số 6630/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND huyện L về việc phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà T - ông H1, Quyết định số 5849/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND huyện L về việc phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị Thanh T3 đối với tài sản trên đất là ông H1 - bà T (viết tắt là các Quyết định số 6746, số F, và 5849). Vì các lý do sau:

- Quyết định số 6746 thu hồi diện tích đất 30,4 m² thuộc một phần thửa 74 từ bản đồ số 62 nằm ngoài ranh dự án mà không có sự đồng ý của chủ sử dụng đất ông H1;

- UBND huyện L không xem xét, giải quyết tái định cư cho hộ gia đình bà T - ông H1 mặc dù ông bà đủ điều kiện được nhận suất tái định cư, cụ thể: (i) Ông bà bị thu hồi giải tỏa trắng diện tích đất 510,6m² thửa 74 trên đó có nhà ở xây dựng từ năm 1995, gia đình ông bà đang cư trú và sinh sống tại nhà đất và đã thực hiện đăng ký cư trú tại Công an xã L từ ngày 24/01/2024; (ii) Việc quy chủ nhà ở cho bà T3 không đúng quy định vì không có văn bản, giấy tờ thỏa thuận mua bán, tặng cho, ý kiến cho ở nhờ trên đất giữa ông bà và bà T3;

- Quá trình lập hồ sơ bồi thường của Tổ công tác thuộc UBND huyện có nhiều vi phạm, hướng dẫn, giải thích không đúng quy định, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà như: hướng dẫn đồng ý cho bà T3 được quy chủ về tài sản trên đất, làm lại, sửa chữa nội dung, điều chỉnh thời gian lập biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/8/2022 nhằm hợp pháp hóa việc quy chủ tài sản trên đất cho bà T3.

Người bị kiện trình bày:

Ngày 07/03/2022, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Thông báo số 798/TB-UBND, theo đó thu hồi phần diện tích đất 480,2m^2, thửa đất số 74 của ông bà T - H1 để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư 02 tuyến giao thông kết nối (Tuyến số 02) thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L giai đoạn 1 tại xã L, huyện L.

Ngày 08/4/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với các ngành và UBND xã L đến hiện trạng thửa đất số 74 để thực hiện việc kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Qua kiểm tra hiện trạng, bà T có ý kiến đất do cha mẹ để lại cho 02 chị em, bà T đại diện đứng tên. Do bà T đi làm ăn ở thành phố nên bà T để lại cho bà T3 đất và nhà ở từ năm 2016 đến nay. Đồng thời, bà T3 đồng ý với nội dung bà T nêu trên là đúng.

Ngày 11/8/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với các ngành đến phần đất thu hồi của ông (bà) T - H1 thực hiện việc kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Tại buổi làm việc, bà T và bà T3 thống nhất đề nghị bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi thuộc dự án cho ông (bà) T - H1, là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4, các công trình phụ, vật kiến trúc và cây trồng thống nhất đề nghị bồi thường cho bà T3, xây dựng hồ sơ bồi thường theo dạng nhà xây dựng trên đất người khác. Các bên thống nhất đối với nội dung nêu trên và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có xảy ra tranh chấp.

Cùng ngày 11/8/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và bà T tiến hành kiểm đếm về đất đai; đồng thời bà T có ý kiến đề nghị Nhà nước thu hồi hết phần diện tích 30,4m² còn lại, nội dung kiểm đếm đã được bà Thư K xác nhận trong biên bản kiểm đếm.

Theo giấy xác nhận số 214 ngày 27/02/2023 của UBND xã L có giấy xác nhận nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc. Xác nhận: Phần diện tích thu hồi của ông (bà) T - H1 là 510,6m² (loại đất CLN) thuộc thửa đất số 74 theo Giấy chứng nhận số BV 083951. Ranh giới thửa đất không thay đổi, sử dụng ổn định, không tranh chấp. Hộ không đủ điều kiện bồi thường bằng đất ở.

Theo Giấy xác định vị trí số 18 ngày 06/02/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L xác nhận thửa đất số 74 thuộc vị trí 4.

Ngày 03/7/2023, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 6630 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) T - H1 với tổng số tiền là 278.065.000 đồng và Quyết định số 6746 thu hồi 510,6 m² đất của hộ ông (bà) H1 - T (loại đất CLN).

- Về bồi thường, hỗ trợ: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L căn cứ vào các giấy tờ liên quan, các xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L và các phòng ban để tính toán bồi thường, hỗ trợ cho hộ dân khi Nhà nước thu hồi đất theo đúng quy định.

- Về tái định cư:

Theo biên bản làm việc ngày 11/8/2022 của các cơ quan liên quan thể hiện: *"Các ông (bà) H1, T, T3 thống nhất đề nghị bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi cho ông (bà) H1 - Thư là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4, các công trình phụ, vật kiến trúc và cây trồng thống nhất đề nghị bồi thường cho bà T3, xây dựng hồ sơ bồi thường theo dạng nhà xây dựng trên đất người khác. Các bên thống nhất đối với nội dung nêu trên và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có xảy ra tranh chấp".* Nên tổ công tác tiến hành kiểm đếm về đất cho hộ ông (bà) H1 - Thư, chuyển UBND xã L xác nhận nguồn gốc đất và các xác nhận khác chuyển Phòng T4 thẩm tra, lập phương án bồi thường đất cho hộ ông (bà) H1 - T. Như vậy, đối với việc cấp đất tái định cư với trường hợp nêu trên là không đủ điều kiện. Do ông (bà) H1 - Thư chỉ bồi thường đất nông nghiệp, không có nhà, không thuộc hộ phải di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất.

Từ các nội dung trên, việc ông (bà) H1 - Thư khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính trên là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2025/HC-ST ngày 05/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 3, 115, 116, 157, 193 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào các Điều 62, 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đ quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ vào Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh Đ quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và trình tự thủ tục giải quyết tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí,

[1] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T, ông Huỳnh Vĩnh H1 đối với Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện L.

[3] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T, ông Huỳnh Vĩnh H1 về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm:

- Quyết định số 6746/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Lê Thị Minh T, Huỳnh Vĩnh H1, để

thực hiện dự án 02 tuyến giao thông kết nối (Tuyến số 2) thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L giai đoạn 1 tại xã L (lần 3).

- Quyết định số 6630/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Lê Thị Minh T, Huỳnh Vĩnh H1 để thực hiện dự án 02 tuyến giao thông kết nối (Tuyến số 2) thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L giai đoạn tại xã L (lần 3).

- Quyết định số 5849/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị Thanh T3 (tài sản trên đất Huỳnh Vĩnh H1 - Lê Thị Minh T) để thực hiện dự án 02 tuyến giao thông kết nối (Tuyến số 2) thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L giai đoạn tại xã L (lần 1).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2025, bà Lê Thị Minh T và ông Huỳnh Vĩnh H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H1, bà T.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Huỳnh Vĩnh H1 và bà Vũ Thị Kim T1 là người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Vĩnh H1, bà Lê Thị Minh T không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu; người bị kiện vắng mặt tại phiên toà nên không thể hiện ý kiến; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Bà Vũ Thị Kim T1:

- Quyết định thu hồi đất số 6746 là trái pháp luật. Vì thông báo thu hồi đất ghi thu hồi 480,2m^2 đất nhưng thực tế thì thu hồi cả 30,4m^2 còn lại; bà T là vợ của ông H1, là đồng sở hữu diện tích đất bị thu hồi, ông H1 không uỷ quyền cho bà T quyết định toàn bộ nên việc bà T có ý kiến đề nghị thu hồi toàn bộ đất là không có giá trị; ý kiến của bà T về việc đề nghị thu hồi hết đất chỉ thể hiện trong biên bản kiểm đếm, không có văn bản đề nghị độc lập. Đề nghị huỷ Quyết định số 6746.

- Do Quyết định thu hồi đất số 6746 là trái pháp luật nên đề nghị huỷ một phần Quyết định số 6630 đối với phần diện tích 30,4m^2.

- Đối với Quyết định số 5849: Nhà, đất bị thu hồi là tài sản chung của ông H1, bà T được cha mẹ bà T cho chung vào năm 2005, trước đó vào năm 2004 bà T3 đã từ chối nhận di sản của cha mẹ; cả ông H1, bà T không tặng cho, mua bán nhà, đất này cho bà T3 nên Quyết định số 5849 bồi thường cho bà T3 là không đúng.

- Theo xác nhận của Công an P, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông H1, bà T có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng thực tế không cư trú tại đây, nhà đất bị thu hồi là chỗ ở duy nhất của ông H1, bà T.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, ông H1 sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H1, bà T.

2. Ông Huỳnh Vĩnh H1: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà T1.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà T, ông H1 làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo:

Tại buổi làm việc kiểm đếm bà T đề nghị thu hồi cả 30,4m^2 đất còn lại nên Quyết định thu hồi đất số 6746 đã thu hồi toàn bộ diện tích đất của ông H1, bà T là có căn cứ. Việc ông H1, bà T đề nghị trả lại số tiền bồi thường đối với 30,4m^2 đất và yêu cầu huỷ một phần Quyết định bồi thường số 6630 là không có căn cứ.

Kết quả xác minh thể hiện bà T3 là người trực tiếp sống trên đất nên Quyết định số 5849 bồi thường cho bà T3 là đúng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1, bà T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Minh T, ông Huỳnh Vĩnh H1 làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Đồng Nai là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND và Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Đồng Nai tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện và đã uỷ quyền hợp pháp cho ông Bùi Viết T2. Ông T2 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 6746/QĐ-UBND của UBND huyện L được ban hành ngày 03/7/2023, có nội dung thu hồi đất của hộ ông (bà) T - H1, để thực hiện Dự án; Quyết định số 6630/QĐ-UBND của UBND huyện L được ban hành ngày 03/7/2023, có nội dung phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) T - H1 là người có đất bị thu hồi và Quyết định số 5849/QĐ-UBND của UBND huyện L được ban hành ngày 01/6/2023, có nội dung phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về tài sản cho bà T3. Đây là các quyết định hành chính của UBND cấp huyện trong

lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Ông H1, bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ các quyết định hành chính nêu trên vào ngày 28/7/2024. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của bà T, ông H1 nhận thấy:

[4.1] Về trình tự, thẩm quyền ban hành các Quyết định số 6746, 6630, 5849: Trước khi ban hành các quyết định nêu trên, UBND huyện L đã ban hành Thông báo thu hồi đất, kết hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản có trên diện tích đất bị thu hồi. Do đó, các Quyết định số 6746, 6630, 5849 được ban hành đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai.

[4.2] Về nội dung:

- Đối với Quyết định số 6746: Quyết định số 6746 chỉ thu hồi của ông H1, bà T 480,2m^2 trên tổng số 510,6m^2 đất thuộc thửa số 74, tờ bản đồ số 62 theo Giấy chứng nhận số BV 083951. Tuy nhiên, tại Biên bản kiểm đếm ngày 11/8/2022, bà T đề nghị Nhà nước thu hồi hết 30,4m^2 còn lại. Do đó, việc ông H1, bà T yêu cầu huỷ Quyết định số 6746 là không có căn cứ để chấp nhận. Tại cấp phúc thẩm, bà T1 là người đại diện hợp pháp của ông H1 cho rằng ông H1 và bà T là đồng sở hữu đối với diện tích đất tại thửa số 74, việc bà T đề nghị thu hồi hết 30,4m^2 đất là ý kiến cá nhân của bà T là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ trong quan hệ hành chính khác với việc xác lập giao dịch dân sự nên không cần thiết phải có ý kiến của cả 02 ông bà.

- Đối với Quyết định số 6630 và Quyết định số 5849:

Tại các Biên bản ghi nhận việc kiểm đếm ngày 08/4/2022 có chữ ký của ông H1, bà T3 và tại Biên bản ghi nhận việc kiểm đếm ngày 11/8/2022 có chữ ký của bà T, bà T3 đã thể hiện các nội dung như: thửa đất số 74 đứng tên bà T, bà T đã bán cho bà T3 từ năm 2016; đề nghị bồi thường về đất cho bà T, ông H1; thống nhất bồi thường cho bà T3 về tài sản là 01 căn nhà cấp 4, công trình phụ, cây trồng. Do đó, Quyết định số 6630, số 5849 bồi thường về đất cho ông H1, bà T; bồi thường về nhà ở, công trình phụ, cây trồng cho bà T3 là có căn cứ.

Giấy chứng nhận số BV 083951 cấp cho ông H1, bà T 510,6m^2 tại thửa số 74, tờ bản đồ số 62 là đất nông nghiệp, không phải là đất ở nên ông H1, bà T không đủ tiêu chuẩn được bố trí tái định cư theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh Đ.

[5] Từ những phân tích trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H1, bà T là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, ông H1 và bà T1 là người đại diện hợp pháp của ông H1, bà T không cung cấp được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của ông H1, bà T là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề

nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông H1, bà T mỗi người phải nộp 300.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Vĩnh H1 và bà Lê Thị Minh T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2025/HC-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 4 Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh Đ;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Tuyên xử:

[1] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T, ông Huỳnh Vĩnh H1 đối với Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện L.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T, ông Huỳnh Vĩnh H1 về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 6746/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Lê Thị Minh T, Huỳnh Vĩnh H1, để thực hiện dự án 02 tuyến giao thông kết nối (Tuyến số 2) thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L giai đoạn 1 tại xã L (lần 3).

- Quyết định số 6630/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Lê Thị Minh T, Huỳnh Vĩnh H1 để thực hiện dự án 02 tuyến giao thông kết nối (Tuyến số 2) thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L giai đoạn tại xã L (lần 3).

- Quyết định số 5849/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị Thanh T3 (tài sản trên đất của ông bà Huỳnh Vĩnh H1 - Lê Thị Minh T) để thực hiện dự án 02

tuyến giao thông kết nối (Tuyến số 2) thuộc dự án Cảng hàng không Quốc tế L giai đoạn tại xã L (lần 1).

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Minh T và ông Huỳnh Vĩnh H1 mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0001894, số 0001899 cùng ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà T và ông H1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP (NTCL).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa